

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Opteon™ SF33 Specialty Fluid

Phiên bản 1.15	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/03	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 2985178-00016	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/10/30 Ngày ban hành đầu tiên: 2018/07/07
-------------------	--	--	---

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : Opteon™ SF33 Specialty Fluid
SDS-Identcode : 130000143678

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : Công Ty TNHH Chemours Việt Nam
Địa chỉ : Tầng 7, Tòa nhà Friendship, số 31 Lê Duẩn, P. Bến Nghé,
Quận 1, Tp.
Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
Điện thoại : (84 8) 6288 3964
Số điện thoại liên hệ trong
trường hợp khẩn cấp : 1800-577-721

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : Chất làm sạch
Các chất dẫn nhiệt
Hạn chế khi sử dụng : Chỉ dùng trong lắp đặt công nghiệp.

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 3

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ : Không có gì
Từ cảnh báo : Không có gì
Cảnh báo nguy hiểm : H402 Có hại đối với sinh vật thủy sinh.
Các lưu ý phòng ngừa : **Biện pháp phòng ngừa:**
P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
Việc thải bỏ:
P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Opteon™ SF33 Specialty Fluid

Phiên bản 1.15 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/03 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 2985178-00016 Ngày ban hành cuối cùng: 2023/10/30 Ngày ban hành đầu tiên: 2018/07/07

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Các hơi này nặng hơn không khí và có thể gây ngạt do chúng làm giảm lượng oxy cần cho quá trình hô hấp.

Lạm dụng hoặc có chủ đích nghiện hít vào có thể gây tử vong mà không có triệu chứng cảnh báo, do các tác động lên tim mạch.

Sự bốc hơi nhanh của sản phẩm có thể gây ra tê cóng.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Đơn chất
Nhận dạng hóa chất : (Z)-1,1,1,4,4,4-Hexafluoro-2-butene
Số CAS : 692-49-9

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
(Z)-1,1,1,4,4,4-Hexafluoro-2-butene#	692-49-9	>= 70 -<= 100

Chất tự nguyện công bố

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Nếu hít phải, di chuyển ngay ra nơi không khí trong lành. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu xuất hiện các triệu chứng.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Rửa bằng nước và xà phòng để phòng ngừa. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu xuất hiện các triệu chứng.

Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Rửa mắt bằng nước để phòng ngừa. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu vùng kích ứng lan rộng và dai dẳng.

Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Nếu nuốt phải, không được gây nôn. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu xuất hiện các triệu chứng. Xúc miệng kỹ bằng nước

Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Có thể gây ra chứng loạn nhịp tim.
Các triệu chứng khác có khả năng xảy ra liên quan đến sử dụng sai hoặc nghiện có chủ đích là
Nhạy cảm với tim mạch
Các tác dụng gây tê
Kém tập trung
Chóng mặt
rối loạn
Thiếu sự phối hợp
Buồn ngủ
Bất tỉnh

Bảo vệ người sơ cứu : Không cần thiết có sẵn các biện pháp phòng bị cho nhân viên cấp cứu.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Opteon™ SF33 Specialty Fluid

Phiên bản 1.15	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/03	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 2985178-00016	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/10/30 Ngày ban hành đầu tiên: 2018/07/07
-------------------	--	--	---

Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Do khả năng gây loạn nhịp tim, các chất Catecholamine được sử dụng trong các tình huống cấp cứu khẩn cấp chẳng hạn như epinephrine cần được sử dụng với những cảnh báo đặc biệt.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Không áp dụng được
Không cháy.

Các phương tiện chữa cháy không thích hợp : Không áp dụng được
Không cháy.

Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Phơi nhiễm với các sản phẩm dễ cháy có thể nguy hại đối với sức khỏe.

Các chất độc được sinh ra khi bị cháy : Hydroflorua
Carbonyl florua
Carbon ôxit

Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
Sử dụng bụi nước để làm mát các bình chữa không mở.
Di chuyển các thùng chứa chưa bị hư hại ra khỏi khu vực đám cháy nếu việc này không gây nguy hiểm.
Sơ tán toàn bộ khu vực.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.
Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Làm theo lời khuyên về xử lý an toàn (xem phần 7) và khuyến nghị về thiết bị bảo vệ cá nhân (xem phần 8).

Các cảnh báo về môi trường : Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc làm này an toàn.
Ngăn ngừa sự lan toả trên diện rộng (ví dụ bằng cách chứa lại hoặc bằng các phao ngăn dầu).
Giữ lại và tiêu huỷ nước rửa bị nhiễm bẩn.
Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Opteon™ SF33 Specialty Fluid

Phiên bản 1.15	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/03	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 2985178-00016	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/10/30 Ngày ban hành đầu tiên: 2018/07/07
-------------------	--	--	---

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Hút khô bằng các vật liệu hút nước trơ. Đối với các vụ việc tràn đổ lớn, cần đắp đê bao hoặc cung cấp các vật liệu ngăn chặn thích hợp để giữ cho chất tràn đổ không bị lan rộng. Nếu chất tràn đổ có thể bơm được, lưu giữ chất thu lại được trong các thùng chứa thích hợp. Dọn sạch các chất còn đọng lại do tràn đổ bằng chất thấm hút thích hợp. Các quy định của quốc gia hoặc địa phương có thể phải áp dụng khi thải loại hoặc tiêu hủy chất này, cũng như đối với các chất trên và các vật liệu được sử dụng trong việc làm sạch chất thải. Bạn sẽ cần xác định các quy định nào cần phải được áp dụng. Mục 13 và 15 của SDS này cung cấp thông tin liên quan đến các quy định quốc gia và địa phương.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Các biện pháp kỹ thuật : Xem Các biện pháp kỹ thuật dưới phần KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/BẢO VỆ CÁ NHÂN.

Thông gió cục bộ/toàn bộ : Chỉ sử dụng khi có đủ sự thông gió.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Xử lý theo hành động an toàn và vệ sinh công cộng, dựa trên kết quả đánh giá phơi nhiễm tại nơi làm việc. Chú ý phòng ngừa hiện tượng tràn ra ngoài, hao hụt và giảm thiểu thải ra môi trường.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Không để các thùng chứa tiếp xúc trực tiếp với nhiệt hoặc nhiệt độ trên 46°C (115°F) để tránh tăng áp suất và có thể làm biến dạng thùng chứa. Không được lấy hóa chất bằng cách đổ từ các côngtenơ vận chuyển xô/thùng phuy chứa 5 gallon trở lên. Bạn nên sử dụng bơm thùng phuy để hút từ côngtenơ vận chuyển xô/thùng phuy chứa 5 gallon trở lên, trừ các côngtenơ nhỏ hơn, bạn có thể sử dụng quạt thông gió đầy đủ để tiến hành mở thùng chứa. Chứa trong các thùng có dán nhãn đúng. Lưu trữ theo các quy định đặc biệt của quốc gia.

Các chất cần tránh bảo quản chung : Không có hạn chế đặc biệt nào về việc lưu giữ chung với các sản phẩm khác.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị : < 46 °C

Thêm thông tin về độ ổn định : Sản phẩm không có hạn sử dụng khi được lưu trữ đúng cách kho lưu trữ

Đề xa ánh nắng trực tiếp.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Opteon™ SF33 Specialty Fluid

Phiên bản 1.15	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/03	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 2985178-00016	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/10/30 Ngày ban hành đầu tiên: 2018/07/07
-------------------	--	--	---

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp : Đảm bảo có sự thông gió đầy đủ, đặc biệt tại những nơi kín.
Giảm thiểu mức độ phơi nhiễm tại nơi làm việc.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp : Sử dụng mặt nạ phòng độc cung cấp không khí áp suất dương nếu có bất kỳ khả năng thoát khí không kiểm soát nào có thể có, mức độ phơi nhiễm không xác.

Bảo vệ tay
Vật liệu : Găng tay chịu nhiệt

Ghi chú : Việc chọn găng tay bảo vệ khỏi hoá chất phụ thuộc vào nồng độ và số lượng các chất nguy hại và phụ thuộc vào nơi làm việc. Đối với các ứng dụng đặc biệt, chúng tôi khuyến cáo nên liên lạc với nhà sản xuất nhằm xác minh tính chống chịu với hoá chất của các loại găng tay kể trên. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc. Thời gian để sản phẩm thấm xuyên qua găng tay chưa xác định được. Thường xuyên thay găng tay.

Bảo vệ mắt : Mặc những thiết bị bảo hộ cá nhân sau:
Kính bảo hộ

Bảo vệ da và cơ thể : Phải rửa sạch da sau khi tiếp xúc.

Các biện pháp vệ sinh : Nếu có nguy cơ phơi nhiễm hóa chất trong khi sử dụng bình thường, hãy cung cấp hệ thống vòi rửa mắt và vòi sen an toàn gần nơi làm việc.
Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng.
Giặt sạch quần áo đã nhiễm hóa chất trước khi tái sử dụng.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái : thể lỏng

Màu sắc : trong suốt, không màu

Mùi đặc trưng : không mùi

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Opteon™ SF33 Specialty Fluid

Phiên bản 1.15	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/03	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 2985178-00016	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/10/30 Ngày ban hành đầu tiên: 2018/07/07
-------------------	--	--	---

Ngưỡng mùi	:	chưa có dữ liệu
Độ pH	:	chưa có dữ liệu
Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc	:	chưa có dữ liệu
Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu	:	33,4 °C
Điểm cháy	:	Phương pháp: ASTM D 56 sôi trước khi bốc cháy
Tỷ lệ hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	:	Không áp dụng được
Tính dễ cháy (chất lỏng)	:	Không cháy.
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	Giới hạn trên của sự bốc cháy Phương pháp: ASTM E681 Không có gì.
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	:	Giới hạn dưới của sự bốc cháy Phương pháp: ASTM E681 Không có gì.
Áp suất hóa hơi	:	604,35 hPa (20 °C)
Tỷ trọng hơi tương đối	:	chưa có dữ liệu
Khối lượng riêng	:	1,4 g/cm ³ (20 °C) (là chất lỏng)
Độ hòa tan Độ hòa tan trong nước	:	0,7633 g/l (25 °C)
Hệ số phân tán: n- octanol/nước	:	log Pow: 2,3 (30 °C)
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	492 °C
Nhiệt độ phân hủy	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt Độ nhớt, động học	:	chưa có dữ liệu
Đặc tính cháy nổ	:	Không gây nổ

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Opteon™ SF33 Specialty Fluid

Phiên bản 1.15	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/03	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 2985178-00016	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/10/30 Ngày ban hành đầu tiên: 2018/07/07
-------------------	--	--	---

Đặc tính oxy hóa : Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.

Đặc điểm hạt
Kích thước hạt : Không áp dụng được

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng : Không thuộc loại nguy hại phản ứng.

Tính ổn định : Ổn định trong các điều kiện thông thường.

Phản ứng nguy hiểm : Được biết là chưa xảy ra.

Các điều kiện cần tránh : Được biết là chưa xảy ra.

Vật liệu không tương thích : Không có gì.

Phản ứng phân hủy và các
sản phẩm độc của phản ứng
phân hủy : Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Đường tiếp xúc : Hít phải
Tiếp xúc với da
Ăn uống
Tiếp xúc với mắt

Độc cấp tính

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

(Z)-1,1,1,4,4,4-Hexafluoro-2-butene:

Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột): > 690,413 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: hơi
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403

Nồng độ đã được kiểm chứng mà không tác hại (Chó): 12500 ppm
Không khí kiểm nghiệm: khí

Nồng độ đã được kiểm chứng với tác hại rất nhỏ (Chó):
25000 ppm
Không khí kiểm nghiệm: khí

Ngưỡng giới hạn gây nhạy cảm lên tim (Chó): 1.677.740 mg/m³

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Opteon™ SF33 Specialty Fluid

Phiên bản 1.15	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/03	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 2985178-00016	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/10/30 Ngày ban hành đầu tiên: 2018/07/07
-------------------	--	--	---

Không khí kiểm nghiệm: khí

Ăn mòn/kích ứng da

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

(Z)-1,1,1,4,4,4-Hexafluoro-2-butene:

Kết quả : Không gây kích ứng da

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

(Z)-1,1,1,4,4,4-Hexafluoro-2-butene:

Kết quả : Không gây kích ứng mắt

Kích thích hô hấp hoặc da

Nhạy cảm với da

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Nhạy cảm với hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

(Z)-1,1,1,4,4,4-Hexafluoro-2-butene:

Đường tiếp xúc : Tiếp xúc với da

Kết quả : Âm tính

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

(Z)-1,1,1,4,4,4-Hexafluoro-2-butene:

Độc tính gây đột biến gen : Loại kiểm nghiệm: Khảo nghiệm đột biến đảo ngược vi khuẩn (AMES)

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471

Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm nhiễm sắc thể bất thường trong ống nghiệm

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 473

Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Thí nghiệm biến đổi gen tế bào trên động vật có vú tại phòng thí nghiệm

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 476

Opteon™ SF33 Specialty Fluid

Phiên bản 1.15	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/03	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 2985178-00016	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/10/30 Ngày ban hành đầu tiên: 2018/07/07
-------------------	--	--	---

Kết quả: Âm tính

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể : Loại kiểm nghiệm: Thử nghiệm nhân nhò của hồng cầu trên động vật có vú (thí nghiệm di truyền học tế bào trong cơ thể)
Loài: Chuột
Lộ trình ứng dụng: Hô hấp (hơi nước)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 474
Kết quả: Âm tính

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen) - Đánh giá : Trọng số bằng chứng không đủ khẳng định xếp loại là biến đổi tế bào mầm.

Tác nhân gây ung thư

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Độc tính sinh sản

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:**(Z)-1,1,1,4,4,4-Hexafluoro-2-butene:**

Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản : Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu độc tính cho sinh sản ở 2 thế hệ
Loài: Chuột
Lộ trình ứng dụng: Hô hấp (hơi nước)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 416
Kết quả: Âm tính

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loại kiểm nghiệm: Sự phát triển phôi thai
Loài: Chuột
Lộ trình ứng dụng: Hô hấp (hơi nước)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 414
Kết quả: Âm tính

Độc tính sinh sản - Đánh giá : Các bằng chứng thu được không ủng hộ phép phân loại chất này có độc tính sinh sản, Không gây ảnh hưởng tới hoặc qua tuyến sữa.

STOT - Tiếp xúc một lần

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:**(Z)-1,1,1,4,4,4-Hexafluoro-2-butene:**

Đường tiếp xúc : Hô hấp (hơi nước)
Đánh giá : Không phát hiện thấy ảnh hưởng đến sức khỏe động vật tại nồng độ 1 mg/l/6h/d hoặc ít hơn

Opteon™ SF33 Specialty Fluid

Phiên bản 1.15	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/03	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 2985178-00016	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/10/30 Ngày ban hành đầu tiên: 2018/07/07
-------------------	--	--	---

Lượng độc lặp lại

Thành phần:

(Z)-1,1,1,4,4,4-Hexafluoro-2-butene:

Loài	: Chuột, Đực và cái
NOAEL	: 33,5 mg/l
LOAEL	: 50,3 mg/l
Lộ trình ứng dụng	: Hô hấp (hơi nước)
Thời gian phơi nhiễm	: 90 d
Phương pháp	: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 413

Độc tính hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

(Z)-1,1,1,4,4,4-Hexafluoro-2-butene:

Không có dạng độc tính hô hấp

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Thành phần:

(Z)-1,1,1,4,4,4-Hexafluoro-2-butene:

Độc đối với cá	: LC50 (Oryzias latipes (biết đến với cá mòi Nhật Bản)): 76,1 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 96 h Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203
Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác	: EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 22,5 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 48 h Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202
Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước	: ErC50 (Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục)): > 23,7 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 72 h Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201 NOEC (Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục)): 6,92 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 72 h Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201
Độc đối với cá (Tính độc mãn tính)	: NOEC (Gobiocypris rarus (cá đực đặc chủng)): 10 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 32 d Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 210
Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không	: NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): 10 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 21 d

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Opteon™ SF33 Specialty Fluid

Phiên bản 1.15	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/03	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 2985178-00016	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/10/30 Ngày ban hành đầu tiên: 2018/07/07
-------------------	--	--	---

xương sống thủy sinh khác
(Tính độc mãn tính)

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 211

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Thành phần:

(Z)-1,1,1,4,4,4-Hexafluoro-2-butene:

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Không dễ phân hủy sinh học.
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 302C

Khả năng tích lũy sinh học

Thành phần:

(Z)-1,1,1,4,4,4-Hexafluoro-2-butene:

Hệ số phân tán: n- : log Pow: 2,3
octanol/nước

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải
Loại bỏ theo quy định của địa phương

Bao bì nhiễm độc : Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ
Nếu không được quy định khác: Xử lý như đối với sản phẩm chưa sử dụng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

Số hiệu UN : Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp : Không áp dụng được
Hạng : Không áp dụng được
Nhóm phụ số : Không áp dụng được
Nhóm hàng : Không áp dụng được
Nhãn : Không áp dụng được

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Opteon™ SF33 Specialty Fluid

Phiên bản 1.15	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/03	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 2985178-00016	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/10/30 Ngày ban hành đầu tiên: 2018/07/07
-------------------	--	--	---

Nguy hại với môi trường : không

IATA-DGR

Số UN/ID	: Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp	: Không áp dụng được
Hạng	: Không áp dụng được
Nhóm phụ số	: Không áp dụng được
Nhóm hàng	: Không áp dụng được
Nhãn	: Không áp dụng được
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay)	: Không áp dụng được
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay)	: Không áp dụng được

Mã IMDG

Số hiệu UN	: Không áp dụng được
Tên vận chuyển thích hợp	: Không áp dụng được
Hạng	: Không áp dụng được
Nhóm phụ số	: Không áp dụng được
Nhóm hàng	: Không áp dụng được
Nhãn	: Không áp dụng được
Mã EmS	: Không áp dụng được
Chất ô nhiễm đại dương	: Không áp dụng được

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC

Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Không áp dụng được

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất : 2025/03/03

Các thông tin khác : Opteon™ và bất kỳ những logo liên kết khác đều là những thương hiệu hoặc bản quyền của Công ty The Chemours Company FC, LLC.
Chemours™ và logo của Chemours là thương hiệu đã được đăng ký của công ty The Chemours Company.
Vui đọc thông tin an toàn của Chemours trước khi sử dụng
Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ văn phòng Chemours tại địa phương hoặc nhà phân phối do Chemours chỉ định.

Thông tin khác

Nguồn dữ liệu chính dùng để : Dữ liệu kỹ thuật nội bộ, dữ liệu từ Bảng thông tin an toàn

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Opteon™ SF33 Specialty Fluid

Phiên bản 1.15	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/03/03	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 2985178-00016	Ngày ban hành cuối cùng: 2023/10/30 Ngày ban hành đầu tiên: 2018/07/07
-------------------	--	--	---

lập Phiếu Dữ liệu An toàn (SDS) nguyên liệu, kết quả tìm kiếm trên Cổng thông tin điện tử về hóa chất OECD và Cơ quan hóa chất Châu Âu, <http://echa.europa.eu/>

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Thông tin được cung cấp trong Bảng dữ liệu an toàn này là chính xác nhất theo kiến thức, thông tin và sự tin tưởng của chúng tôi tại ngày công bố. Thông tin chỉ được đưa ra như hướng dẫn để công bố, bỏ, vận chuyển, lưu trữ, xử lý, sử dụng và điều khiển an toàn và sẽ không được xem là sự bảo hành hoặc thông số kỹ thuật về chất lượng của bất kỳ loại nào. Thông tin được cung cấp chỉ liên quan đến tài liệu cụ thể đã nêu tại trang đầu tiên SDS này và sẽ không hợp lệ khi tài liệu SDS được sử dụng liên quan đến bất kỳ tài liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào, trừ khi được nêu cụ thể trong văn bản. Người dùng tài liệu nên đánh giá thông tin và các đề xuất trong hoàn cảnh cụ thể và theo cách thức điều khiển, sử dụng, xử lý và lưu trữ dự kiến của mình, bao gồm việc đánh giá tính phù hợp của tài liệu SDS trong sản phẩm cuối cùng của người dùng, nếu có thể áp dụng.

VN / VI